

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2021.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phú;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 643/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thanh H, sinh năm: 1998; nơi cư trú: Tổ A, thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1994; nơi cư trú: 211/1 thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Thanh H trình bày thì: Chị H và anh V kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đà Lạt. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có những bất đồng về quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh V thường xúc phạm và đánh đập chị H, bản thân anh V có sử dụng chất ma túy và để dao, kiếm trong nhà và có lúc anh V sợ bị ngáo đá sẽ giết chị H. Chị H và gia đình cũng đã khuyên giải nhiều nhưng anh V không thay đổi nên chị H đã bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống và

vợ chồng đã sống ly thân 01 năm nay. Có vài lần anh V cầm dao lên nhà bố mẹ đẻ của chị H đe dọa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Viết K, sinh ngày 09/9/2017, hiện con đang ở với chị H. Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi thành niên vì anh V làm vườn có thu nhập ổn định từ khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.0000 đồng.

Về tài sản chung: chị H tự thỏa thuận với anh V, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị H xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh V đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng anh V không đến Tòa và cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nên Tòa án không thu thập được ý kiến cũng như lời khai của anh V và không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh V và yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Viết K, sinh ngày 09/9/2017. Chị H xác định anh V không có thu nhập ổn định, bản thân chị đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án, thì Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn anh V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là bảo đảm theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh V có xảy ra trong thực tế và đã trầm trọng. Vợ chồng sống đã sống ly thân hơn 1 năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Cho chị H và anh V ly hôn. Đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung chị H không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn anh Nguyễn Văn V để tham gia phiên toà sơ thẩm, tuy nhiên anh V vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Võ Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn V kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận được hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, anh V còn sử dụng chất ma túy và thường xuyên đánh đập chị H. Chị H và gia đình đã khuyên giải nhiều nhưng anh V vẫn không thay đổi nên chị H đã bỏ về nhà cha mẹ để sống và vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau. Bản thân anh V đã được Tòa án thông báo nhưng không đến Tòa để hòa giải, tại phiên tòa hôm nay anh V vẫn vắng mặt là thể hiện sự bỏ mặc, không mong muốn vợ chồng hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh V là có xảy ra, kéo dài và đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn anh V là có cơ sở và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H và anh V ly hôn.

[3] Về con chung: Chị H và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Viết K, sinh ngày 09/9/2017, hiện con đang ở với chị H. Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, hiện cháu K còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, bản thân anh V là người sử dụng chất ma túy nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Viết K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị H xác định đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung: Chị H, anh V không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về nợ chung: Chị H xác định không có, anh V cũng không có ý kiến yêu cầu gì nên không đề cập xem xét.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 28, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thanh H.

Cho chị Võ Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn V ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Viết K, sinh ngày 09/9/2017 cho chị Võ Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: chị Võ Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003211 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP Đ;
- UBND xã X,TP Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên